TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29/5/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đở

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Long

Ông Trần Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lư – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2023/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Á**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông và bà Lê Thị Á tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1996, đến năm 2005 đăng ký kết hôn và đã được UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/10/2005.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do thường xuyên cải vã những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình, rồi giận nhau. Sau đó bà Á đã 02 lần về nhà cha mẹ ruột sinh sống một thời gian dài mới quay về nhà. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông đã dọn ra ngoài sinh sống và đi làm kể từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly

thân thì không ai liên lạc qua lại nói chuyện gì với nhau nên không thể nào hàn gắn được. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Lê Thị Á.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Thúy V, sinh ngày 04/3/1997 và Lê Trọng C, sinh ngày 15/12/2000 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Ông xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Á trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về quá trình tiến tới hôn nhân và xác định vợ chồng có mẫu thuẫn. Đến nay không thể hàn gắn được nữa nên bà đồng ý ly hôn với ông T, nhưng bà đề nghị ông T phải về nhà để giải quyết vấn đề tài sản xong bà mới đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Thúy V, sinh ngày 04/3/1997 và Lê Trọng C, sinh ngày 15/12/2000 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định có nợ chung nhưng bà không cung cấp thông tin, địa chỉ của chủ nợ mà để tự giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Á, về tài sản chung nguyên đơn xác định tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Bị đơn xác định không thể hàn gắn được nữa nhưng phải giải quyết tài sản chung xong mới giải quyết việc ly hôn. Về tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung bị đơn xác định có nợ chung nhưng không cung cấp họ tên, địa chỉ cũng như số tiền còn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét, về tài sản không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung bị đơn xác định có nợ chung nhưng không cung cấp thông tin, địa chỉ của chủ nợ nên không có căn cứ xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên toà cho thấy: Hôn nhân giữa ông T và bà Á là do tự nguyện nên khi về chung sống ông, bà cũng có thời gian hạnh phúc, nhưng sau đó sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hơn nữa ông, bà cũng đã có thời gian dài sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay nhưng cả hai vẫn không có biện pháp nào để hàn gắn, đồng thời bà Á cũng xác định không mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, bà Á đặt điều kiện phải giải quyết tài sản chung trước mới giải quyết về hôn nhân, nhưng bà xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông, bà đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và vấn đề bà Á yêu cầu giải quyết tài sản trước khi giải quyết hôn nhân là không có cơ sở nên yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Á là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Thị Thúy V (nữ), sinh ngày 04/3/1997 và Lê Trọng C (nam), sinh ngày 15/12/2000 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà Á đều xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Ông T xác định không có, bà Á xác định có nợ chung nhưng tự giải quyết, đồng thời bà không cung cấp thông tin, địa chỉ chủ nợ nên không có căn cứ để xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn T đối với bà Lê Thị Á.

2. Về con chung: Ông T1 và bà Á có 02 con chung tên Lê Thị Thúy V (nữ), sinh ngày 04/3/1997 và Lê Trọng C (nam), sinh ngày 15/12/2000 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông T và bà Á đều xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Ông T xác định không có, bà Á xác định có nợ chung nhưng tự giải quyết, đồng thời bà không cung cấp thông tin, địa chỉ chủ nợ nên không có căn cứ để xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, ông T phải chịu. Ông T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005010 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Giúp Đở